

B TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

S : /2020/TT-BTC

Đ t h o

THÔNG T

H ướng dẫn giám sát giao dịch ch ợng khoán trên thị tr ợng ch ợng khoán

C ần c Lu t Ch ợng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

C ần c Ngh ị nh s/20..../N -CP ngày.... tháng năm 20.... c a Chính ph ị quy ịnh chi ti t và h ướng dẫn thi hành m t s ị u c a Lu t Ch ợng khoán ;

C ần c Ngh ị nh s/20..../N -CP ngày tháng năm 20....c a Chính ph ị quy ịnh v ch ợng khoán phái sinh và th tr ợng ch ợng khoán phái sinh;

C ần c Ngh ị nh s 87/2017/N -CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 c a Chính ph ị quy ịnh ch c n ợng, nhi m v , quy n h n và c c u t ch c c a B Tài chính;

Theo ịnh c a Ch ị t ch ị y ban Ch ợng khoán Nhà n c ;

B tr ợng B Tài chính ban hành Thông t ị h ướng dẫn giám sát giao dịch ch ợng khoán trên thị tr ợng ch ợng khoán.

Ch ịng I QUY ỊNH CHUNG

ị u 1. Ph ị m vi ị u ch ịnh

Thông t này h ướng dẫn ho t ịnh giám sát giao dịch ch ợng khoán niêm y t, ịnh ký giao dịch trên thị tr ợng ch ợng khoán.

ị u 2. ị t ịnh áp d ịng

Thông t này áp d ịng ị v ị các ch ị th giám sát và ị t ịnh giám sát d ị ị này:

1. Ch ị th giám sát:

a) y ban Ch ợng khoán Nhà n c (sau ị y vi t t t là UBCKNN);

b) S ị giao dịch ch ợng khoán Vi t Nam;

c) Các công ty con c a S ị giao dịch ch ợng khoán Vi t Nam bao g m S ị giao dịch ch ợng khoán Hà N ị, S ị giao dịch ch ợng khoán thành ph ị H ị Chí Minh (sau ị y g ị chung là các công ty con);

d) T ịng Công ty ị u ký và bù tr ị ch ợng khoán Vi t Nam (sau ị y vi t t t là TCTLKCK);

e) Công ty con của TCTLKCK thực hiện chi trả và thanh toán chi phí;

f) Thành viên giao dịch chi phí là các công ty con, ngoài đó thành viên giao dịch chi phí là các Ngân hàng thương mại trên TTCK phải sinh và thanh toán chi phí (sau đây viết tắt là TVGD).

2. Các nội dung giám sát là các tổ chức, cá nhân tham gia vào quá trình giao dịch, cung cấp các dịch vụ liên quan đến giao dịch chi phí trên thị trường chi phí, gồm:

a) Tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch;

b) TVGD;

c) Thành viên của TCTLKCK bao gồm thành viên lưu ký (TVLK) và thành viên bù trừ (TVBT) (sau đây viết tắt là TV của TCTLKCK);

d) Công ty quản lý quỹ đầu tư chi phí, quỹ đầu tư chi phí, công ty đầu tư chi phí;

e) Công ty con, TCTLKCK và công ty con của TCTLKCK khi tham gia cung cấp các dịch vụ liên quan đến giao dịch, bù trừ, thanh toán chi phí;

f) Nhà đầu tư tham gia giao dịch chi phí (sau đây viết tắt là NĐT);

g) Ngân hàng giám sát, ngân hàng thương mại cung cấp dịch vụ tài khoản tín dụng đầu tư chi phí;

h. Các nội dung liên quan.

Điều 3. Giải thích thuật ngữ

Trong Thông tư này, các thuật ngữ sau đây có nghĩa như sau:

1. *Giao dịch chi phí* là việc mua, bán chi phí thực hiện qua hệ thống giao dịch của các công ty con.

2. *Giao dịch nội gián* là các hành vi vi phạm quy định tại Khoản ... Điều ... Thông tư hướng dẫn giao dịch chi phí, chi phí chi trả, chi phí doanh nghiệp, chi phí quy định có bổ sung chi phí niêm yết, đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch chi phí (TTCK).

3. *Giao dịch thao túng TTCK* là các hành vi vi phạm quy định tại khoản ... Điều ... Thông tư hướng dẫn giao dịch chi phí, chi phí chi trả, chi phí doanh nghiệp, chi phí quy định có bổ sung chi phí niêm yết, đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch chi phí.

4. *Giao dịch bất thường* là các giao dịch chi phí vào các tiêu chí cảnh báo của hệ thống tiêu chí giám sát do Sở giao dịch chi phí Việt Nam ban hành và áp dụng sau khi có sự chấp thuận của UBCKNN.

5. *Giao dịch nghi vấn* là giao dịch bất thường của các công ty con phân tích, xác định là giao dịch có nghi vấn tác động đến giá, khối lượng

c a m t h o c n h i u c h n g k h o á n t r o n g m t g i a i o n n h t n h , c ó k h n n g v i p h m q u y n h c a p h á p l u t v g i a o d c h c h n g k h o á n .

6. *Giao d ch vi ph m* là các giao d ch c UBCKNN xác nh là vi ph m quy nh c a pháp lu t v giao d ch ch n g k h o á n .

7. *Ch tiêu báo cáo giám sát giao d ch* áp d ng cho thành viên c a các công ty con là n i dung do S giao d ch ch n g k h o á n V i t N a m x â y d n g ; h n g d n thành viên giao d ch t r i n k h a i h o t n g g i á m s á t g i a o d c h c h n g k h o á n t c h c t i các công ty con.

8. *Tin n* là thông tin có th c h o c k h o n g c ó th c , c h a c ó c n c k i m c h n g t i t h i i m p h á t t i n l i ê n q u a n n t c h c n i ê m y t / n g k ý g i a o d c h , c h n g k h o á n h o c g i a o d c h c h n g k h o á n đ i n r a t r ê n T T C K .

T C H C C O N G T A C G I A M S A T G I A O D C H C H N G K H O A N

M c 1

G I A M S A T G I A O D C H C H N G K H O A N

C A U B A N C H N G K H O A N N H A N C

i u 4. Trách nhi m và quy n h n c a UBCKNN

1. Ban hành quy ch ph i h p g i á m s á t g i a o d c h c h n g k h o á n g i a U B C K N N , S g i a o d c h c h n g k h o á n V i t N a m v à c á c c o n g t y c o n , T V G D , T C T L K C K v à c o n g t y c o n c a T C T L K C K .

2. Phê duy t tiêu chí giám sát giao d ch ch n g k h o á n , c h tiêu báo cáo giám sát giao d ch áp d ng cho thành viên giao d ch do S giao d ch ch n g k h o á n V i t N a m x â y d n g v à c á c n g n g g i á m s á t t l s d n g t à i s n k ý q u / v i c n p k ý q u y ê u c u , g i i h n v t h t h e o t n g t à i k h o n c a N T i v i t h t r n g p h á i s i n h , T V B T i v i t h t r n g c s d o T C T L K C K x â y d n g .

3. Giám sát các ho t n g g i a o d c h c h n g k h o á n t r ê n T T C K n h m p h á t h i n , n g n n g a , x l ý c á c h à n h v i g i a o d c h n i b , g i a o d c h t h a o t ú n g T T C K v à c á c h à n h v i v i p h m q u y n h p h á p l u t v g i a o d c h c h n g k h o á n .

4. Yêu c u các i t n g g i á m s á t b á o c á o , g i i t r i n h , c u n g c p t h o n g t i n , t à i l i u l i ê n q u a n n g i a o d c h c h n g k h o á n .

5. Giám sát N T t r o n g v i c t u a n t h c á c q u y n h c a p h á p l u t v g i a o d c h c h n g k h o á n .

6. K p t h i c ó c n h b á o p h ù h p i v i c á c g i a o d c h v à h à n h v i c ó d u h i u v i p h m p h á p l u t n h m n g n n g a h à n h v i v i p h m p h á p l u t t r o n g g i a o d c h c h n g k h o á n c a i t n g g i á m s á t .

7. Ch trì, ph i h p v i c á c n v l i ê n q u a n t r o n g v i c t h a n h t r a , k i m t r a h o t n g g i a o d c h c h n g k h o á n v à c u n g c p d c h v l i ê n q u a n n g i a o d c h c h n g k h o á n .

8. Theo yêu cầu của Bộ Tài chính, UBCKNN báo cáo Bộ Tài chính và kết quả thực hiện công tác giám sát giao dịch chứng khoán.

Điểm 5. Nội dung giám sát của UBCKNN

Nội dung giám sát của UBCKNN bao gồm:

1. Trên cơ sở báo cáo của các TVGD, Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con, TCTLKCK và công ty con của TCTLK, kết quả giám sát từ UBCKNN và các nguồn thông tin khác tiến hành phân tích, làm rõ dấu hiệu vi phạm quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán (TTCK) của các giao dịch nghi vấn có biểu hiện pháp bất thường, xử lý kịp thời theo quy định.

2. Giám sát hoạt động của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con trong việc tổ chức và giám sát các giao dịch chứng khoán tại thị trường chứng khoán quốc gia quản lý, vận hành theo quy định tại Mục 2 Chương II Thông tư này.

3. Giám sát hoạt động của TCTLKCK và công ty con của TCTLKCK trong việc quản lý và giám sát tài sản ký quỹ/việc nộp ký quỹ yêu cầu theo tài khoản của NĐT vì thị trường chứng khoán phái sinh, TVBT vì thị trường chứng khoán cơ sở theo quy định tại Mục 3 Chương II Thông tư này.

4. Chủ trì, phối hợp với Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con, TVGD, TCTLKCK và công ty con của TCTLKCK phân tích làm rõ các giao dịch có khả năng tác động đến TTCK nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các nhà đầu tư, đảm bảo tính minh bạch của thị trường.

5. Giám sát việc cung cấp dịch vụ liên quan đến giao dịch chứng khoán của các thị trường quy định tại mục b, c, d, e, g, h khoản 2 Điều 2 Thông tư này.

Điểm 6. Phương thức giám sát giao dịch chứng khoán của UBCKNN

1. Giám sát giao dịch chứng khoán dựa trên thông tin từ các nguồn:

a) Báo cáo giám sát, báo cáo phục vụ công tác giám sát của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con, TVGD, TCTLKCK và công ty con của TCTLKCK, TV của TCTLKCK;

b) Báo cáo của các tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch;

c) Báo cáo, thông tin phản ánh của các tổ chức, cá nhân tham gia giao dịch trên TTCK;

d) Các nguồn tin trên các phương tiện thông tin đại chúng, tin liên quan đến giao dịch chứng khoán;

e) Các nguồn thông tin khác.

2. Các báo cáo nêu nội dung này và danh sách giao dịch do S giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con, TCTLKCK và công ty con của TCTLKCK cung cấp, thể hiện phân tích, làm rõ các giao dịch có dấu hiệu vi phạm quy định pháp luật về chứng khoán và TTCK.

3. Kiểm tra bất kỳ nội dung nào của các nội dung giám sát thông qua việc phát hiện các giao dịch nghi vấn theo báo cáo của S giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con, TVGD, TCTLKCK và công ty con của TCTLKCK, TV của TCTLKCK và của các thành viên, cá nhân tham gia giao dịch và cung cấp các dịch vụ giao dịch chứng khoán trên TTCK.

Mục 2 GIÁM SÁT GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CỦA S GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

Điều 7. Quy định và nghĩa vụ của S giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con

1. Quy định và nghĩa vụ của S giao dịch chứng khoán Việt Nam

a) Ban hành Quy chế nghiệp vụ triển khai công tác giám sát sau khi UBCKNN chấp thuận, xây dựng quy trình giám sát nhằm bảo đảm hiệu quả công tác giám sát có hiệu quả.

b) Chịu trách nhiệm giám sát chung hoạt động giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán.

c) Ban hành tiêu chí giám sát giao dịch chứng khoán áp dụng tại các công ty con, chế độ báo cáo giám sát giao dịch áp dụng cho TVGD sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

d) Báo cáo UBCKNN kết quả thể hiện công tác giám sát giao dịch.

2. Quy định và nghĩa vụ của công ty con

a) Giám sát trực tiếp hoạt động giao dịch tại từng khu vực thị trường giao dịch, vận hành;

b) Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu phục vụ công tác giám sát, bao gồm các nội dung quy định tại Điều 11 Thông tư này;

c) Giám sát diễn biến các giao dịch trong ngày, nhiều ngày, khối lượng; phân tích, đánh giá và chịu trách nhiệm xác định các giao dịch nghi vấn có khả năng vi phạm quy định pháp luật theo quy định tại Khoản... Điều... Thông tư Hướng dẫn giao dịch chứng khoán, chứng khoán, trái phiếu doanh nghiệp, chứng quy định có bổ sung các nội dung, ký giao dịch trên hệ thống giao dịch chứng khoán;

d) Rà soát các thông tin trên ph ng ti n thông tin i chúng, tin n liên quan n các giao d ch b t th ng;

e) Giám sát vi c công b thông tin và ch báo cáo theo quy nh hi n hành liên quan n giao d ch ch ng khoán c a TVGD, t ch c niêm y t, ng ký giao d ch, công ty qu n lý qu u t ch ng khoán, qu u t ch ng khoán, công ty u t ch ng khoán, nhà u t .

) X lý theo quy ch i v i TVGD vi ph m quy nh v giao d ch ch ng khoán, ki n ngh UBCKNN x lý các hành vi vi ph m quy nh v giao d ch ch ng khoán theo quy nh pháp lu t .

3. Ngoài các quy n và ngh a v nêu trên, S giao d ch ch ng khoán Vi t Nam và công ty con có các quy n và ngh a v sau:

a) Giám sát ho t ng giám sát giao d ch c a TVGD theo th m quy n

b) Yêu c u các t ch c, cá nhân liên quan n giao d ch ch ng khoán gi i trình, cung c p thông tin, tài li u ph c v công tác giám sát giao d ch ch ng khoán;

c) L p và g i UBCKNN báo cáo giám sát giao d ch nh k , báo cáo giám sát giao d ch b t th ng, báo cáo theo yêu c u v giám sát giao d ch ch ng khoán theo quy nh t i i u 13, i u 14 và i u 15 c a Thông t này;

d) Ph i h p v i UBCKNN ki m tra b t th ng i v i ho t ng giao d ch có kh n ng vi ph m quy nh c a pháp lu t v ch ng khoán và TTCK;

) Ph i h p v i TCTLKCK và công ty con c a TCTLKCK b o m ho t ng giao d ch, ho t ng bù tr , thanh toán giao d ch ch ng khoán an toàn, hi u qu theo quy nh.

i u 8. N i dung giám sát giao d ch ch ng khoán

1. S giao d ch ch ng khoán Vi t Nam và công ty con th c hi n giám sát nh m phát hi n các giao d ch b t th ng, giao d ch nghi v n có kh n ng vi ph m pháp lu t v giao d ch ch ng khoán, bao g m:

a) Hành vi giao d ch n i gián;

b) Hành vi giao d ch thao túng TTCK;

c) Hành vi vi ph m khác v giao d ch ch ng khoán theo quy nh c a pháp lu t v ch ng khoán và TTCK.

2. Giám sát ho t ng giao d ch, công b thông tin và báo cáo liên quan n giao d ch ch ng khoán niêm y t, ng ký giao d ch t i công ty con c a các t ch c niêm y t, ng ký giao d ch, TVGD, công ty qu n lý qu u t ch ng khoán, qu u t ch ng khoán, công ty u t ch ng khoán, c ông l n, nhóm ng i liên quan s h u t 5% tr lên s c phi u có quy n bi u quy t c a công ty i chúng, công ty u t ch ng khoán i chúng; N T,

nhóm người có liên quan số hụt 5% trở lên chi ngân sách địa phương; nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan số hụt 5% trở lên số phi thuế có quy định quy định của pháp luật về phát hành hoặc 5% trở lên chi ngân sách địa phương, ngân sách và người có liên quan ngân sách và các chi tiêu khác của các nhiệm vụ, ngân sách giao dịch, ngân sách địa phương và chi tiêu nhiệm vụ đầu tư và người có liên quan, ngân sách quy định công bố thông tin và NĐT theo đúng quy định hiện hành.

3. Giám sát giao dịch của các nhiệm vụ, ngân sách giao dịch mua sắm phi thuế của chính mình, giao dịch chào mua công khai và các giao dịch khác theo quy định của pháp luật về chi ngân sách và TTCK.

Điều 9. Tiêu chí giám sát giao dịch chi ngân sách

1. Số giao dịch chi ngân sách Việt Nam xây dựng và ban hành hệ thống tiêu chí giám sát giao dịch về các chi ngân sách của nhiệm vụ, ngân sách giao dịch tại các công ty con, tiêu chí giám sát giao dịch liên quan (tác động qua lại giữa TTCK cổ sở, TTCK phái sinh và ngân sách; TTCK cổ sở và chi ngân sách có bổ sung và ngân sách) làm cơ sở tiến hành giám sát giao dịch trong ngày và ngoài ngày; xây dựng chỉ tiêu báo cáo giám sát áp dụng cho các TVGD sau khi có UBCKNN chấp thuận.

2. Hệ thống tiêu chí giám sát giám sát nội dung và các tham số cơ bản; chỉ tiêu báo cáo giám sát giao dịch áp dụng cho các TVGD cần rà soát, đánh giá rủi ro. Hệ thống tiêu chí giám sát giao dịch chi ngân sách, chỉ tiêu báo cáo giám sát giao dịch áp dụng cho TVGD phải có báo cáo UBCKNN chấp thuận trước khi đưa vào áp dụng.

Điều 10. Phương thức giám sát giao dịch chi ngân sách

1. Số giao dịch chi ngân sách Việt Nam triển khai công tác giám sát thông qua báo cáo của các công ty con.

2. Công ty con thực hiện giám sát theo thời gian thực trên hệ thống giám sát của mình về các giao dịch trong ngày của chi ngân sách nhiệm vụ, chi ngân sách ngân sách giao dịch phát hiện các giao dịch bất thường.

3. Công ty con thực hiện thực hiện giám sát giao dịch chi ngân sách ngoài ngày dựa trên một hoặc các nguồn sau:

a) Cơ sở dữ liệu giao dịch chi ngân sách;

b) Các báo cáo, phản ánh thông tin của TVGD, các nhiệm vụ, các chi ngân sách giao dịch, NĐT công bố theo quy định của pháp luật về chi ngân sách và TTCK;

c) Các thông tin liên quan nhận được từ TCTLKCK và công ty con của TCTLKCK theo quy định tại Khoản 3 Điều 19 Thông tin này;

d) Các nguồn tin trên các phương tiện thông tin đại chúng, tin liên quan chi ngân sách và hệ thống chi ngân sách;

) Các nguồn thông tin khác.

4. Yêu cầu các tổ chức, cá nhân liên quan đến giao dịch có duty hiểu rõ thông tin và ghi trình làm rõ duty hiểu rõ thông tin.

Điểm 11. Hệ thống cơ sở dữ liệu phục vụ giám sát giao dịch chứng khoán

Công ty con có trách nhiệm xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu phục vụ công tác giám sát giao dịch chứng khoán. Hệ thống cơ sở dữ liệu tối thiểu phải gồm các nội dung sau:

1. Các dữ liệu về kết quả giao dịch chứng khoán của thị trường công ty con.

2. Danh sách và thông tin về các vị trí thực phẩm giám sát của công ty con vì phạm quy nhà pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán, quy nhà của S giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con.

3. Các báo cáo và thông tin liên quan đến giao dịch chứng khoán đã công bố qua hệ thống công bố thông tin của công ty con; các báo cáo, thông tin đã báo cáo UBCKNN, S giao dịch chứng khoán Việt Nam.

4. Dữ liệu liên quan đến tài khoản giao dịch chứng khoán của N.T.

5. Dữ liệu khác liên quan đến hoạt động giao dịch chứng khoán.

Điểm 12. Giám sát nội bộ thành viên giao dịch

1. Yêu cầu TVGD báo cáo, ghi trình, cung cấp thông tin tài liệu liên quan đến hoạt động giám sát giao dịch theo thẩm quyền.

2. Trưởng bộ phận phát hiện duty vì phạm công ty con có trách nhiệm Báo cáo S giao dịch chứng khoán Việt Nam xử lý theo thẩm quyền.

3. Trưởng bộ phận S giao dịch chứng khoán Việt Nam phát hiện duty vì phạm thì xử lý theo thẩm quyền và báo cáo UBCKNN kết quả xử lý.

4. S giao dịch chứng khoán Việt Nam kiến nghị UBCKNN xử lý các hành vi vì phạm nội bộ TVGD trong trường hợp vi phạm thẩm quyền.

Điểm 13. Báo cáo giám sát giao dịch nội bộ

1. Trong vòng 02 ngày làm việc đầu tiên của tuần tiếp theo, công ty con có trách nhiệm gửi UBCKNN báo cáo giám sát giao dịch tuần, gồm:

a. Dữ liệu giao dịch chứng khoán gồm: số lệnh mua, số lệnh bán, số giao dịch mua bán chứng khoán cổ phiếu, chứng khoán phái sinh và chứng khoán khác đang giao dịch trên thị trường trong tuần liên tiếp theo thứ tự hệ thống giao dịch của S. Các thông tin giao dịch chứng khoán toàn thị trường theo quy định thị trường ... điểm ... Thông tin số TT - BTC ngày

...tháng n m ... c a B tr ng B Tài chính h ng đ n v vi c công b thông tin trên th tr ng ch ng khoán (sau ây g i t t là Thông t s), ngo i tr thông tin liên quan n kh i l ng m c a t ng lo i ch ng khoán phái sinh (OI);

b. K t qu công tác giám sát giao d ch ch ng khoán tu n, thông tin báo cáo t tr ng c phi u thành ph n trong r ch s ph n ánh tình hình th tr ng ph c v công tác t ng h p, ánh giá đ n bi n th tr ng theo bi u m u 01 quy nh t i Ph l c 01 ban hành kèm theo Thông t này.

2. Trong vòng 10 ngày làm vi c u tiên c a tháng ti p theo, trên c s báo cáo c a công ty con, S giao d ch ch ng khoán Vi t Nam có trách nhi m chuy n UBCKNN báo cáo giám sát giao d ch tháng theo bi u m u 02 quy nh t i Ph l c 01 ban hành kèm theo Thông t này, g m các n i dung chính sau:

- Vi c t ch c ho t ng, k t qu tri n khai công tác giám sát giao d ch ch ng khoán trong tri n khai các ho t ng nghi p v ;

- K t qu giám sát giao d ch ch ng khoán c a S giao d ch ch ng khoán Vi t Nam và công ty con i v i các giao d ch có đ u hi u b t th ng và tình hình x lý các giao d ch có đ u hi u b t th ng này;

- K t qu giám sát giao d ch i v i thành viên giao d ch và tình hình x lý các vi ph m c a thành viên giao d ch;

- K t qu th c hi n báo cáo giám sát giao d ch b t th ng và báo cáo theo yêu c u trong k báo cáo;

- Ki n ngh khác (n u có).

3. Trong vòng 20 ngày làm vi c u tiên c a n m k ti p, trên c s báo cáo c a công ty con, S giao d ch ch ng khoán Vi t Nam có trách nhi m chuy n UBCKNN báo cáo giám sát giao d ch n m theo bi u m u 03 quy nh t i Ph l c 01 ban hành kèm theo Thông t này, g m các n i dung ch y u sau:

- Vi c t ch c ho t ng, k t qu tri n khai công tác giám sát giao d ch ch ng khoán trong tri n khai các ho t ng nghi p v ;

- K t qu giám sát giao d ch ch ng khoán c a S giao d ch ch ng khoán Vi t Nam và các công ty con i v i các giao d ch có đ u hi u b t th ng và tình hình x lý các giao d ch có đ u hi u b t th ng;

- K t qu giám sát giao d ch i v i thành viên giao d ch và tình hình x lý các vi ph m c a thành viên giao d ch;

- K t qu th c hi n báo cáo giám sát giao d ch b t th ng và báo cáo theo yêu c u trong k báo cáo

4. Các báo cáo quy nh t i kho n 1, 2 và 3 i u này c l p đ i hình th c v n b n và t p đ li u i n t . Riêng báo cáo quy nh t i i m a kho n

lưu ý này cho người đi đăng tải lưu ý. Các báo cáo trên cổng đi đăng tải lưu ý trong trang web UBCKNN, S giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con áp dụng chương trình ký lưu ý. S giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con có trách nhiệm lưu ý thông tin đã báo cáo theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Báo cáo giám sát giao dịch bất thường

1. Công ty con có trách nhiệm gửi UBCKNN các báo cáo giám sát giao dịch bất thường khi phát hiện các giao dịch nghi vấn trong vòng hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi công ty con có kết quả phân tích giao dịch bất thường, đồng thời báo cáo S giao dịch chứng khoán Việt Nam.

2. Nội dung báo cáo giám sát giao dịch bất thường nêu trên khoản 1 điều này, công ty con có trách nhiệm lập báo cáo phân tích riêng từng vụ việc, nêu rõ dấu hiệu nghi vấn, các thông tin có liên quan, ý kiến đánh giá và xu hướng án xạ lý theo thẩm quy định hoặc kiến nghị xử lý trong trang web và quá thẩm quy định.

Điều 15. Báo cáo giám sát giao dịch theo yêu cầu

1. S giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con có trách nhiệm gửi báo cáo giám sát giao dịch khi nhận được yêu cầu bằng văn bản của UBCKNN.

2. Báo cáo gửi cho UBCKNN nêu trên khoản 1 điều này phải thể hiện dưới hình thức văn bản và tải lưu ý theo nội dung và thời hạn UBCKNN yêu cầu.

Mục 3

GIÁM SÁT CHẤT LƯỢNG CÔNG TY LƯU KÝ VÀ BÙ TRỢ CHỨNG KHOÁN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Điều 16. Quy định và nghĩa vụ của TCTLKCK và các công ty con

1. Giám sát việc thực hiện các nội dung và bù trừ thanh toán, ghi nhận và thanh lý, ký quỹ và giao dịch chứng khoán theo quy định.

2. Trang web phát hiện dấu hiệu bất thường trong hoạt động bù trừ, thanh toán giao dịch dưới thị trường quy định và ghi nhận và thanh lý, ký quỹ và giao dịch chứng khoán, TCTLKCK, công ty con của TCTLKCK yêu cầu các thành viên, cá nhân liên quan báo cáo, ghi trình, cung cấp thông tin, tài liệu phục vụ công tác giám sát, đồng thời báo cáo UBCKNN và thông báo cho S giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con phối hợp thực hiện giám sát.

3. Lưu trữ và thông tin về hoạt động nghiệp vụ tại TCTLKCK và công ty con, vì phạm quy định và ghi nhận và thanh lý, ký quỹ giao dịch và chia sẻ

các thông tin liên quan đến giao dịch chứng khoán. Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con triển khai công tác giám sát giao dịch.

4. Phối hợp với Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con báo cáo hoạt động giao dịch, hoạt động giám sát giao dịch thường, hoạt động bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán an toàn, hiệu quả theo quy định.

5. Thực hiện các nhiệm vụ phối hợp giữa Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con và TCTLKCK và công ty con quy định tại Điều 10. Nghị định số/N-CP ngày tháng năm của Chính phủ về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh.

6. Phối hợp với UBCKNN kiểm tra, nhắc nhở công bố thông tin về các hoạt động thu nhập và giám sát của TCTLKCK và công ty con.

7. Xây dựng theo thẩm quyền các trường hợp vi phạm, báo cáo UBCKNN xử lý theo quy định của pháp luật trong trường hợp vi phạm quá thẩm quyền.

8. Lập và gửi UBCKNN báo cáo giám sát nhắc nhở, báo cáo giám sát bất thường, báo cáo giám sát theo yêu cầu phức tạp công tác giám sát theo quy định tại Điều 20, Điều 21 và Điều 22 của Thông tư này.

Điều 17. Nhiệm vụ giám sát của TCTLKCK

1. Giám sát thành viên trong việc tuân thủ các quy định pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán trong triển khai các hoạt động nghiệp vụ liên quan đến bù trừ và thanh toán chứng khoán.

2. Giám sát tài sản đảm bảo tài sản ký quỹ /việc nộp ký quỹ yêu cầu theo tài khoản của Nhà Tivi thị trường chứng khoán phái sinh, TVBT và thị trường chứng khoán cơ sở.

3. Giám sát việc ghi nhận và thực của Nhà Tivi khi tham gia giao dịch chứng khoán phái sinh.

Điều 18. Phương thức giám sát của TCTLKCK

1. TCTLKCK xây dựng và ban hành các nghiệp vụ giám sát tài sản đảm bảo tài sản ký quỹ /việc nộp ký quỹ yêu cầu, ghi nhận và thực theo tài khoản của Nhà Tivi thị trường chứng khoán phái sinh, TVBT và thị trường chứng khoán cơ sở từ quy chế hoạt động nghiệp vụ sau khi được UBCKNN chấp thuận.

2. Nhiệm vụ và các nghiệp vụ giám sát phải được quy định và điều chỉnh trong tài liệu kỹ thuật cho phù hợp với tình hình giao dịch trên TTCK và mở rộng công tác giám sát của TCTLKCK và công ty con có hiệu quả.

3. Giám sát các trường hợp vi phạm các quy định về bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán, tài sản đảm bảo tài sản ký quỹ /việc nộp ký quỹ yêu cầu của nhà đầu tư và thị trường chứng khoán phái sinh, ghi nhận và thực địa trên mặt hồ các nguồn dữ liệu, thông tin sau:

- a. D li u v v th , ký qu c a TVBT, N T;
- b. Các báo cáo nh k , thông tin ph n ánh t TV c a TCTLKCK và các i t ng khác tham gia TTCK phái sinh;
- c. Các ngu n tin trên các ph ng ti n thông tin i chúng;
- d. Các ngu n thông tin khác.

4. Yêu c u các thành viên thu c i t ng giám sát c a TCTLKCK và công ty con cung c p thông tin và gi i trình làm rõ thêm các d u hi u b t th ng theo quy nh t i Kho n 2,3 i u 17 Thông t này.

5. Ph i h p v i UBCKNN ki m tra nh k ho c b t th ng i v i các i t ng thu c ph m vi giám sát c a TCTLKCK và công ty con c a TCTLKCK.

i u 19. L u tr d li u ph c v công tác giám sát

TCTLKCK và công ty con có trách nhi m l u tr y thông tin v :

1. D li u bù tr , thanh toán ch ng khoán trên TTCK.
2. D li u v thông tin nhà u t giao d ch ch ng khoán và các s n ph m phái sinh c c p nh t liên t c và y hàng ngày t các công ty ch ng khoán.
3. Các thông tin liên quan n gi i h n v th , ký qu c a t ng lo i ch ng khoán, s n ph m phái sinh theo t ng lo i N T i v i th tr ng ch ng khoán phái sinh.
4. D li u giao d ch ngoài h th ng.
5. D li u vi ph m và x lý vi ph m i v i các ho t ng v bù tr thanh toán, gi i h n v th , ký qu c a TVBT.

i u 20. Báo cáo giám sát nh k

1. Ch m nh t là 16 gi 30 phút ngày giao d ch, TCTLKCK và công ty con có trách nhi m g i UBCKNN thông tin kh i l ng m cu i ngày c a t ng lo i ch ng khoán phái sinh theo bi u m u 01 quy nh t i Ph l c 02 ban hành kèm theo Thông t này.

2. Trong vòng 02 ngày làm vi c u tiên c a tu n ti p theo, TCTLKCK và công ty con có trách nhi m g i UBCKNN báo cáo giám sát giao d ch tu n theo bi u m u 02 quy nh t i Ph l c 02 ban hành kèm theo Thông t này, g m các n i dung sau:

- a. Báo cáo tình hình s a l i, x lý l i, l i th i h n thanh toán, lo i b thanh toán.
- b. Th ng kê giao d ch ch ng khoán chuy n quy n s h u không qua h th ng giao d ch c a công ty con: các n i dung chào mua công khai theo quy nh c a pháp lu t, chuy n quy n s h u t bên cho vay sang bên vay và

ng cli (tr các tr ng h p vay h tr thanh toán giao d ch ch ng khoán trong tr ng h p vay h tr thanh toán giao d ch ch ng khoán trong tr ng h p TVLK c a TCTLKCK do s a l i d n n t m th i thi u h t ch ng khoán thanh toán và h tr thành viên l p qu ETF có ch ng khoán góp v n và th c hi n giao d ch hoàn i danh m c v i qu ETF) ho c chuy n quy n s h u tài s n b o m là ch ng khoán t bên vay ch ng khoán sang bên cho vay ch ng khoán trong tr ng h p bên vay b m t kh n ng hoàn tr kho n vay; chuy n quy n s h u do x lý tài s n b o m là ch ng khoán trong các giao d ch c m c , th ch p, ký qu và các tr ng h p chuy n quy n s h u khác sau khi có ý ki n c a UBCKNN.

c. Báo cáo v thông tin và danh tính tài kho n giao d ch ch ng khoán c a N T m , óng, thay i thông tin t i các công ty ch ng khoán.

d. Danh sách c ông l n c a các công ty ng ký ch ng khoán t i TCTLKCK.

3. Trong vòng 10 ngày làm vi c u tiên c a tháng ti p theo, TCTLKCK và công ty con có trách nhi m g i các báo cáo nh k tháng theo bi u m u 03 quy nh t i Ph l c 02 ban hành kèm theo Thông t này, g m các thông tin sau:

a. Báo cáo v ho t ng x lý vi ph m i v i TV c a TCTLKCK;

b. Báo cáo h tr thành viên bù tr m t kh n ng thanh toán;

c. Báo cáo tình hình c p mã ch ng khoán;

d. Báo cáo v t ng giá tr ký qu /vi c n p ký qu yêu c u và danh m c tài s n ký qu /vi c n p ký qu yêu c u theo ngày c a toàn th tr ng.

. Báo cáo th ng kê vi ph m t l s d ng tài s n ký qu c a thành viên bù tr theo ngày i v i th tr ng ch ng khoán c s .

4. Báo cáo nh k quy nh t i kho n 1, 2 và kho n 3 i u này c l p d i hình th c v n b n và t p d li u i n t (có áp d ng ch ng trình ch ký i n t). Riêng i v i báo cáo quy nh t i kho n 2 và d, kho n 3 i u này áp d ng ph ng th c g i d li u i n t . TCTLKCK và công ty con có trách nhi m l u gi thông tin ã báo cáo theo quy nh c a pháp lu t.

i u 21. Báo cáo giám sát b t th ng

1. TCTLKCK và các công ty con có trách nhi m g i UBCKNN các báo cáo giám sát b t th ng khi phát hi n d u hi u vi ph m các quy nh liên quan n ho t ng ký qu , gi i h n v th , bù tr , thanh toán giao d ch ch ng khoán không kh c ph c ngay trong ngày vi ph m.

2. Báo cáo b t th ng g i UBCKNN d i hình th c v n b n và t p d li u i n t trong vòng hai m i b n (24) gi k t khi TCTLKCK và công ty con phát hi n s vi c.

3. i v i báo cáo giám sát b t th ng, TCTLKCK và công ty con có trách nhi m l p báo cáo, có ý ki n ánh giá và xu t ph ng án x lý theo th m quy n ho c ki n ngh x lý trong tr ng h p v t quá th m quy n.

i u 22. Báo cáo giám sát theo yêu c u

1. TCTLKCK và công ty con có trách nhi m g i báo cáo giám sát khi nh n c yêu c u b ng v n b n c a UBCKNN.

2. Báo cáo g i cho UBCKNN nêu t i kho n l i u này ph i c th hi n d i hình th c v n b n và t p d li u i n t theo n i dung và th i h n UBCKNN yêu c u.

M c 4

GIÁM SÁT C A CÁC THÀNH VIÊN GIAO D CH

i u 23. Ngh a v và trách nhi m c a TVGD

1. Tri n khai áp d ng h th ng ch tiêu báo cáo giám sát giao d ch ch ng khoán do S giao d ch ch ng khoán Vi t Nam ban hành.

2. Giám sát di n bi n các giao d ch trong ngày, nhi u ngày c a các N T m tài kho n ho c th c hi n giao d ch t i n i TVGD cung c p d ch v .

3. Giám sát vi c tuân th quy nh c a pháp lu t v giao d ch ch ng khoán c a các cá nhân, t ch c m tài kho n ho c có giao d ch t i n i TVGD cung c p d ch v giao d ch.

4. C p nh t và l u gi y h s thông tin N T, ch ng t ph n ánh chi ti t, chính xác các giao d ch c a N T và c a TVGD.

5. Ph i h p trong tri n khai công tác giám sát:

a. Ph i h p v i UBCKNN, S giao d ch ch ng khoán Vi t Nam và các công ty con, TCTLKCK và công ty con trong vi c th c hi n công tác giám sát giao d ch ch ng khoán khi c yêu c u;

b. Ph i h p v i UBCKNN trong vi c m i N T n làm vi c v i các oàn thanh tra, ki m tra c a UBCKNN liên quan n các giao d ch nghi v n, giao d ch có d u hi u vi ph m các quy nh c a pháp lu t v ch ng khoán và TTCK;

c. Tr ng h p phát hi n giao d ch có d u hi u vi ph m các quy nh v giao d ch ch ng khoán có trách nhi m báo cáo S giao d ch ch ng khoán Vi t Nam và các công ty con, ng th i báo cáo UBCKNN.

6. L p và g i S giao d ch ch ng khoán Vi t Nam và các công ty con, UBCKNN báo cáo b t th ng, báo cáo theo yêu c u có liên quan n giao d ch ch ng khoán, có ki n ngh c th v vi c x lý các n i dung báo cáo.

7. Ch u trách nhi m v tính chính xác, trung th c c a thông tin, báo cáo giám sát cung c p cho UBCKNN, S giao d ch ch ng khoán Vi t Nam và các công ty con, TCTLKCK và công ty con.

đ i u 24. L u gi đ l i u ph c v giám sát giao đ ch

TVGD có trách nhi m l u gi đ l i u ph c v công tác giám sát giao đ ch ch ng khoán, t i thi u ph i g m các thông tin sau:

1. Các đ l i u v ho t ng giao đ ch ch ng khoán c th c hi n t i n i TVGD cung c p đ ch v .
2. Thông tin nhà u t là khách hàng m tài kho n ho c giao đ ch t i n i TVGD cung c p đ ch v giao đ ch.
3. Đ l i u liên quan n giao đ ch ký qu và các dịch v tài chính khác t i n i TVGD cung c p đ ch v giao đ ch.
4. Đ l i u khác liên quan n ho t ng giao đ ch ch ng khoán t i n i TVGD cung c p đ ch v giao đ ch.

đ i u 25. Báo cáo giám sát giao đ ch c a TVGD

1. TVGD có trách nhi m g i S giao đ ch ch ng khoán Vi t Nam và các công ty con báo cáo giám sát giao đ ch nh k tháng, b t th ng và theo yêu c u v k t qu công tác giám sát giao đ ch ch ng khoán.
2. TVGD có trách nhi m g i UBCKNN báo cáo giám sát giao đ ch b t th ng và theo yêu c u.
3. N i dung, ph ng th c và hình th c l p, chuy n báo cáo giám sát giao đ ch c a TVGD th c hi n theo h ng đ n c a S giao đ ch ch ng khoán Vi t Nam và các công ty con.

Ch ng II

NGH A V C A CÁC I T NG GIÁM SÁT

đ i u 26. Ngh a v v cung c p thông tin và gi i trình theo yêu c u c a các t ch c và cá nhân tham gia giao đ ch ch ng khoán, cung c p đ ch v giao đ ch ch ng khoán

1. Các t ch c, cá nhân tham gia giao đ ch ch ng khoán, cung c p đ ch v giao đ ch ch ng khoán có trách nhi m h p tác v i UBCKNN, S giao đ ch ch ng khoán Vi t Nam và các công ty con, TCTLKCK và công ty con, c quan có th m quy n theo quy nh c a pháp lu t khi c yêu c u.
2. Các t ch c, cá nhân tham gia giao đ ch ch ng khoán có ngh a v cung c p y thông tin, tài li u, đ l i u theo yêu c u c a UBCKNN, S giao đ ch ch ng khoán Vi t Nam và các công ty con, TCTLKCK và công ty con theo quy nh c a pháp lu t; gi i trình theo yêu c u c a UBCKNN, S giao đ ch ch ng khoán Vi t Nam và các công ty con i v i các s vi c liên quan n giao đ ch ch ng khoán theo quy nh c a pháp lu t và th c hi n công b thông tin theo quy nh c a pháp lu t v ch ng khoán và th tr ng ch ng khoán trong các tr ng h p đ i ây:

a) Giao dịch chuyển khoản cá nhân do cá nhân đứng tên và thực hiện thành công lần hoặc không còn là công nhân của công ty chúng tôi, công ty thực hiện chuyển khoản chúng tôi theo quy định của pháp luật. Thông tin hàng ngày công bố thông tin trên TTCK;

b) Giao dịch của công nhân của công ty chúng tôi, công ty thực hiện chuyển khoản chúng tôi khi mua, bán, chuyển nhượng, nhận chuyển nhượng cổ phiếu do cá nhân thực hiện thay thế lợi ích của người qua các ngày 1% số cổ phiếu có quyền biểu quyết (kể cả quyền hạn cho họ thực hiện, tăng, giảm...) theo quy định của pháp luật. Thông tin hàng ngày công bố thông tin trên TTCK;

c) Giao dịch chuyển khoản cá nhân, cá nhân và người có liên quan có ý định mua lại hai triệu phần trăm (25%) cổ phiếu có quyền biểu quyết, chuyển nhượng của công ty chúng tôi, người ký giao dịch, quy định; Giao dịch chuyển khoản cá nhân, cá nhân và người có liên quan mua lại hai triệu phần trăm (25%) trên cổ phiếu có quyền biểu quyết, chuyển nhượng của công ty chúng tôi, người ký giao dịch, quy định theo quy định của pháp luật. Luật Chuyển khoản và các văn bản hướng dẫn;

d) Giao dịch chuyển khoản của người nhận ủy thác của công ty chúng tôi, người ký giao dịch, người nhận ủy thác của người có liên quan của người nhận ủy thác theo quy định của pháp luật. Thông tin hàng ngày công bố thông tin trên TTCK;

e) Giao dịch của công nhân sáng lập trong thời gian chuyển nhượng.

3. Ngân hàng thực hiện cung cấp dịch vụ tài khoản tín dụng thực hiện chuyển khoản cho N.T có trách nhiệm cung cấp thông tin về số tài khoản tín dụng của khách hàng theo yêu cầu của UBCKNN và các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

4. Ngân hàng giám sát có trách nhiệm cung cấp số liệu liên quan hàng ngày, giao dịch chuyển khoản của người mua mà ngân hàng thực hiện giám sát theo yêu cầu của UBCKNN và các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

5. Trưởng ban chấp hành, cá nhân tham gia giao dịch chuyển khoản, cung cấp dịch vụ giao dịch chuyển khoản không phải là thành viên của các cơ quan quy định của pháp luật. Khoản này sẽ xử lý theo quy định của pháp luật về chuyển khoản và TTCK và các quy định khác của pháp luật hiện hành.

Chương III

I. U KHON THI HÀNH

Đi u 27. Hi u l c thi hành và đi u kho n chuy n ti p

1. Thông t này có hi u l c t ngày ... tháng n m và thay th Thông t s 115/2017/TT-BTC ngày 25 tháng 10 n m 2017 c a B tr ng B Tài chính v h ng d n giám sát giao d ch ch ng khoán trên th tr ng ch ng khoán và đi u l Thông t s 35/2019/TT-BTC ngày 12 tháng 6 n m 2019 c a B tr ng B Tài chính s a i, b sung m t s i u c a Thông t s 115/2017/TT-BTC ngày 25 tháng 10 n m 2017 h ng d n giám sát giao d ch ch ng khoán trên th tr ng ch ng khoán và Thông t s 116/2017/TT-BTC ngày 25 tháng 10 n m 2017 h ng d n công tác giám sát tuân th c a y ban ch ng khoán Nhà n c i v i ho t ng trong l nh v c ch ng khoán c a S giao d ch ch ng khoán, Trung tâm l u ký ch ng khoán Vi t Nam.

2. S giao d ch Ch ng khoán Hà N i và S giao d ch Ch ng khoán thành ph H Chí Minh ti p t c t ch c và ho t ng theo quy nh c a Lu t ch ng khoán s 70/2006/QH11 ã c s a i, b sung m t s i u theo Lu t s 62/2010/QH12 cho n khi S giao d ch Ch ng khoán Vi t Nam ho t ng theo Lu t ch ng khoán s 54/2019/QH14.

Đi u 28. T ch c th c hi n

1. y ban Ch ng khoán Nhà n c, S giao d ch ch ng khoán Vi t Nam và công ty con, T ng công ty l u ký và bù tr ch ng khoán, thành viên c a S giao d ch, thành viên c a T ng công ty l u ký và bù tr ch ng khoán, t ch c niêm y t, ng ký giao d ch, công ty qu n lý qu u t ch ng khoán, qu u t ch ng khoán, công ty u t ch ng khoán và các t ch c, cá nhân có liên quan ch u trách nhi m th c hi n Thông t này.

2. Vi c s a i, b sung, thay th Thông t này do B tr ng B Tài chính quy t nh./.

N i nh n:

- V n phòng Chính ph ;
- V n phòng Trung ng và các Ban c a ng;
- V n phòng T ng Bí th ;
- V n phòng Qu c h i;
- V n phòng Ch t ch n c;
- Các B , c quan ngang B , c quan thu c Chính ph ;
- V i n Ki m sát nhân dân t i cao;
- Tòa án nhân dân t i cao;
- H ND, UBND các t nh, thành ph tr c thu c Trung ng;
- V n phòng ban ch o phòng ch ng tham nh ng Trung ng;
- Ki m toán nhà n c;
- Công báo;
- Website CP;
- C c Ki m tra V n b n (B T pháp);
- Các n v thu c B Tài chính;
- Website BTC, UBCKNN;
- L u: VT, UBCK, (200b).

KT. B TR NG

TH TR NG

Hu nh Quang H i

PH L C I
BÁO CÁO GIÁM SÁT GIAO D CH T I S GIAO D CH CH NG KHOÁN
VI T NAM VÀ CÔNG TY CON

(Ban hành kèm theo Thông t/TT-BTC ngày tháng n m c a B
Tài chính h ng d n Giám sát giao d ch ch ng khoán trên th tr ng ch ng khoán)

M U S 1. BÁO CÁO TU N

S GIAO D CH CH NG KHOÁN VI T NAM **C NG HOÀ XÃ H ICH NGH A VI T NAM**
c l p - T do - H nh phúc

S : /SGDCK- , ngày tháng n m 202.....

BÁO CÁO GIÁM SÁT TU N .../202...

1. Báo cáo tình hình x lý các d u hi u giao d ch b t th ng trong tu n ...
/202...

TT	Mã c nh báo theo tiêu chí	D u hi u giao d ch b t th ng	Mã ch ng khoán giao d ch	Ngày giao d ch	Ngày b t u x lý	Tình tr ng x lý
1	2	3	4	5	6	7

2. Báo cáo t tr ng c phi u thành ph n trong r ch s ¹

Ngày/mã ch ng khoán	C phi u 1	C phi u 2	C phi u 29	C phi u 30
1	2	3	4	5	6

- Bi u này c l p và báo cáo hàng tu n.

Ghi chú:

- D u hi u giao d ch b t th ng: theo H th ng tiêu chí giám sát giao d ch b t th ng do S Giao d ch Ch ng khoán ban hành.

- Bi u này c l p và báo cáo hàng tu n.

M U S 2. BÁO CÁO THÁNG /202.....

**S GIAO DỊCH CHẾ NH KHOẢN
VI T NAM**

**C NG HOÀ XÃ HỘI CH NGHĨA VIỆT NAM
c l p - T do - H nh phúc**

S : /SGDCK - ... , ngày tháng n m 202...

BÁO CÁO GIÁM SÁT THÁNG .../202.....

I. Về việc thực hiện công tác giám sát tại S Giao dịch Chế nh khoản

1. Tổ chức và hoạt động của bộ máy giám sát (nếu có thay đổi).
2. Về việc ban hành, bổ sung, sửa đổi các quy chế, quy định, quy trình giám sát tại S Giao dịch Chế nh khoản.
3. Về việc thực hiện giám sát giao dịch hàng ngày, định kỳ.
4. Về việc thực hiện báo cáo định kỳ, báo cáo bất thường và báo cáo theo yêu cầu của Ủy ban Chế nh khoản Nhà nước.
5. Về việc phối hợp với các đơn vị khác trong công tác giám sát.
6. Về việc xây dựng Hệ thống cơ sở dữ liệu phục vụ công tác giám sát.

II. Các công việc đang triển khai

Biểu 1. Báo cáo tình hình xử lý các dữ liệu giao dịch bất thường tháng

TT	Mã danh sách theo tiêu chí giám sát	Danh sách giao dịch bất thường	Tổ chức/cá nhân thực hiện giao dịch	Mã tài khoản giao dịch	Mã chế nh khoản giao dịch	Ngày GD	Danh sách vi phạm	Ngày bắt xử lý	Tình trạng xử lý
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10

Ghi chú: Danh sách giao dịch bất thường: theo Hệ thống tiêu chí giám sát giao dịch bất thường do SGDCK ban hành.

III. Kết quả công tác giám sát tại S Giao dịch chế nh khoản

1. Về việc thực hiện giao dịch của các thành viên giao dịch

Biểu 1. Hành vi vi phạm về giao dịch chế nh khoản

TT	Tổ chức/cá nhân vi phạm về giao dịch chế nh khoản	Mã tài khoản giao dịch	Tên CTCK thực hiện GD	Loại hành vi vi phạm	Ngày GD	Mã chế nh khoản giao dịch	Hình thức xử lý
1	2	3	4	5	6	7	8

2. V h o t ng giám sát, ki m tra, x lý vi ph m

- V vi c phát hi n các giao d ch b t th ng (phân lo i theo tiêu chí giám sát b t th ng do S Giao d ch Ch ng khoán ban hành).

- K t qu ki m tra v giao d ch ch ng khoán do S Giao d ch Ch ng khoán th c hi n, k t qu x lý nh ng hành vi vi ph m (theo th m quy n).

- Các v vi c ki n ngh U ban Ch ng khoán Nhà n c x lý vi ph m.

IV. Ki n ngh

1. V chính sách ch

2. Ki n ngh khác (n u có)

N i nh n:

- Nh trên;

- L u

T NG GIÁM CS GIAO D CH CH NG KHOÁN

					Giao d ch cùng mua/bán	Hu /s a l nh sai quy nh	Khác	Giao d ch n i b	Giao d ch thao túng	Giao d ch b c m khác		
	I/CTCK				x	x	x		x	x	x	
	II/ i di n GD/nhân viên CTCK				x	x	x			x	x	
	III/T ch c/cá nhân khác						x	x	x	x	x	

Ghi chú v Bi u s 2:

- Bi u này t ng h p s l n vi ph m v giao d ch và công b thông tin c a các i ng th c hi n giao d ch;

- Lo i hành vi vi ph m c th ng kê theo quy nh hi n hành.

III. Ki n ngh

1. V chính sách ch

2. Ki n ngh khác (n u có)

N i nh n:

T NG GIÁM CS GIAO D CH CH NG KHOÁN

Ghi chú

- **Hành vi vi ph m v giao d ch ch ng khoán** t i các Bi u trong Ph l c này bao g m 2 nhóm hành vi: hành vi vi ph m các quy nh v giao d ch (cùng mua/bán, giao d ch không d n n vi c thay i quy n s h u ch ng khoán, và các vi ph m khác v quy ch giao d ch) và hành vi giao d ch b c m (giao d ch n i b ; giao d ch thao túng và giao d ch b c m khác)

- **K báo cáo t i Ph l c** này c l p theo tu n, tháng và n m D ng l ch

- Các báo cáo này c l p d i d ng file d li u i n t nh d ng exel (i v i d li u báo cáo b ng b ng bi u) ho c File text chi t xu t t h th ng giao d ch; Font ch : Unicode Times New Roman.

PH Ụ L Ụ C II
M Ụ B I Ụ B Ụ A Ụ C Ụ A T Ụ NG C Ụ NG TY L Ụ K Ụ Y Ụ V Ụ B Ụ TR
CH Ụ NG KHO Ụ N VI T Ụ NAM
(Ban hành kèm theo Thông t ụ s/...../TT-BTC ngày tháng n m
..... c a B tr ụ ng B T ụ i chính h ụ ng d ụ n giám sát giao d ụ ch ch ụ ng kho ụ n
trên th tr ụ ng ch ụ ng kho ụ n)

M Ụ S 1: B Ụ A Ụ C Ụ NG Ụ Y

T Ụ NG C Ụ NG TY L Ụ K Ụ Y Ụ V Ụ
B Ụ TR Ụ CH Ụ NG KHO Ụ N VI T Ụ NAM

C Ụ NG HO Ụ A X Ụ H I CH Ụ NG H Ụ A VI T Ụ NAM
c ụ p - T ụ do - H ụ nh ph ụ c

S ụ : /TCTLKCK ... , ngày tháng n m 202...

B Ụ A Ụ C Ụ NG Ụ Y.....

Thông tin kh ụ i l ụ ng m ụ c ụ i ngày c ụ a t ụ ng lo ụ i ch ụ ng kho ụ n ph ụ i sinh

STT	M ụ h ụ p ụ ng	Kh ụ i l ụ ng h ụ p ụ ng m ụ O I
1	2	3

M U S 2: BÁO CÁO T U N**T NG CÔNG TY L U KÝ VÀ
BÙ TR CH NG KHOẢN VI T NAM****C NG HOÀ XÃ H I CH NGH A VI T NAM
c l p - T do - H nh phúc**

S : /TCTLKCK

... , ngày tháng n m 202...

BÁO CÁO T U N

1. Báo cáo tình hình s a l i, lùi th i h n thanh toán, lo i b không thanh toán giao d ch ch ng khoán

Lo i nghi p v	Mã thành viên l u ký	Tên thành viên l u ký	Lo i l nh	Tài kho n s a l i	Mã ch ng khoán	S l ng	Ngày giao d ch	Ngày s a l i/lùi th i h n thanh toán/lo i b không thanh toán giao d ch	Thành viên l u ký liên quan	S l ng ch ng khoán h tr	Lý do s a/lùi th i h n/lo i b không thanh toán
S a l i											
Lùi th i h n thanh toán											
Lo i b không toán											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12

2. Th ng kê giao d ch ch ng khoán chuy n quy n s h u không qua h th ng giao d ch

STT	Tên bên chuy n nh ng	S ng ký s h u c a bên chuy n nh ng	S Tài kho n giao d ch c a bên chuy n nh ng	Tên bên nh n chuy n nh ng	S ng ký s h u c a bên chuy n nh ng	S Tài kho n giao d ch c a bên chuy n nh ng	Mã ch ng khoán chuy n nh ng quy n s h u	S l ng ch ng khoán chuy n nh ng quy n s h u	Ngày chuy n nh ng h i u l c	Lo i giao d ch	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12

3. Thông tin và danh tính tài kho n giao d ch ch ng khoán c a nhà u t m , óng và thay i thông tin t i các CTCK

Bi u 1: Thông tin và danh tính c a N T m tài kho n

STT	Tên khách	Lo i hình	Mã TKGD	a ch	S ng ký s h u	Ngày c p	N i c p	Ngày m	Qu c t ch	Ghi chú
-----	-----------	-----------	---------	------	---------------	----------	---------	--------	-----------	---------

	hàng									
1		T ch c								
2		Cá nhân							M	Ng i Vi t Nam

Bi u 2: Thông tin và danh tính c a N T óng tài kho n

STT	Tên khách hàng	Lo i hình	Mã TKGD	a ch	S ng ký s h u	Ngày c p	N i c p	Ngày óng	Qu c t ch	Ghi chú
1		T ch c								
2		Cá nhân							M	Ng i Vi t Nam

Bi u 3: Thông tin và danh tính c a N T thay i thông tin

STT	Tên khách hàng	Lo i hình	Mã TKGD	a ch	S ng ký s h u	Ngày c p	N i c p	Qu c t ch	Ghi chú
1		T ch c							
2		Cá nhân						M	Ng i Vi t Nam

4. Báo cáo v d li u chuy n kho n ch ng khoán c a nhà u t

5. Danh sách c ông l n c a các công ty ng ký ch ng khoán t i TCTLKCK

STT	Mã CK	S l ng ký	Thông tin c ông				u k		Cu i k		Ghi chú
			Tên c ông	S ng ký s h u	Ngày c p	a ch liên h	S l ng ch ng khoán s h u	T l %	S l ng ch ng khoán s h u	T l %	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12

M U S 3: BÁO CÁO THÁNG

**T NG CÔNG TY L U KÝ VÀ
BÙ TR CH NG KHOÁN VI T NAM**

**C NG HOÀ XÃ H I CH NGH A VI T NAM
c l p - T do - H nh phúc**

S : /TCTLKCK

... , ngày tháng n m 202...

BÁO CÁO NH K THÁNG**1. Báo cáo ho t ng c p mã ch ng khoán**

Stt	Ngày c p mã ch ng khoán	Tên T ch c phát hành	V n i u l , SLCK ng ký c a T C P H (*)	a ch c a T C P H	Mã ch ng khoán trong n c do V S D c p	Mã ISIN do V S D c p	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8

(*) Tr ng h p T C P H ch a ng ký v i T C T L K C K h t toàn b s l ng ch ng khoán phát hành ho c tr ng h p lo i ch ng khoán là trái phi u ng chú thích c th

2. Ho t ng x lý vi ph m i v i thành viên

TVBT	Thông tin N T					S l n vi ph m	
	H tên N T	S KSH	Ngày c p	TKGD	TKKQ	% s d ng tài s n ký qu	Gi i h n v th
001 - CTCP Ch ng khoán							
C ng							
002 - Công ty TNHH Ch ng khoán							
C ng							

3. H tr thành viên bù tr m t kh n ng thanh toán

STT	Mã TVBT	Tên TVBT	Ngày m t kh n ng thanh toán	T ng s ti n s đ ng	Ngu n s đ ng	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	

4. Tổng giá trị và danh mục tài khoản ký quỹ theo ngày của toàn thể thành viên

Ngày	Danh mục tài khoản ký quỹ	Số lượng tài khoản ký quỹ	Giá trị tài khoản ký quỹ
	1. Tiền		
	2. Chi phí		
	Tên chi phí		
	3. Trái phi		
	Tên trái phi		

5. Thống kê vi phạm nội quy của thành viên bù trừ theo ngày

Ngày	TVBT	Họ tên N T	Số KSH	Ngày c p	TKGD	TKKQ	Nội dung vi phạm	Kết quả x lý

Kiểm tra

1. Việc chính sách chi trả.
2. Kiểm tra khác (nếu có).

Ghi chú:

- K báo cáo tài chính II của công ty theo tháng được gửi;
- Báo cáo chi phí dưới hình thức file dữ liệu có thể nhập Excel (nếu cần nhập báo cáo chi phí hàng tháng), font chữ Unicode Times New Roman.